

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.
2. Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 538/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hoài M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp 1, xã TL, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 3, xã MĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Phạm Hoài M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh M và chị P sống chung với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dẫn đến chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Anh M nhiều lần đến nhà cha mẹ vợ để thuyết phục chị P về chung sống với anh M nhưng chị P không đồng ý và vẫn tiếp tục ở nhà cha mẹ ruột chị P cho đến nay.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay anh M yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hoài Anh, sinh ngày 04/8/2008. Hiện nay con chung sống với anh M. Khi ly hôn anh M yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đỗ Thị P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh M nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Hoài M có đơn yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị Đỗ Thị P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Chị Đỗ Thị P là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 3, xã MĐ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị P sống chung với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2009, do đó hôn nhân giữa anh M và chị P là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dẫn đến chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Anh M nhiều lần đến nhà cha mẹ vợ để thuyết phục chị P về chung sống với anh M nhưng chị P không đồng ý và vẫn tiếp tục ở nhà cha mẹ ruột chị P và vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay anh Phạm Hoài M yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị P.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Đỗ Thị P tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị P vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh M. Xét thấy giữa anh M và chị P không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh M yêu cầu ly hôn với chị P là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh M và chị P mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Phạm Hoài M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hoài Anh, sinh ngày 04/8/2008. Hiện nay con chung sống với anh M. Khi ly hôn anh M yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho anh M hay cho chị P nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M cho rằng con chung đang sinh sống với anh M và anh M có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy từ khi anh M, chị P xảy ra mâu thuẫn đến nay, anh M là người trực tiếp chăm sóc con chung. Bên cạnh đó theo văn bản ghi ý kiến của con chung thì con chung có nguyện vọng được sống với anh M. Do đó để con chung tên Phạm Hoài Anh, sinh ngày 04/8/2008 cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Anh Phạm Hoài M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hoài M.

- Về hôn nhân: Anh Phạm Hoài M được ly hôn với chị Đỗ Thị P.

- Về con chung: Anh Phạm Hoài M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hoài Anh, sinh ngày 04/8/2008. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Hoài M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011444 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã TL (Giấy CNKH số 37 ngày 28/9/2009);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Ngọc